

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 159/2012/TT-BTC

*Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2012***THÔNG TƯ**

**Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011  
hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08/8/2011  
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều  
của Luật Thuế bảo vệ môi trường**

Căn cứ Luật Thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế bảo vệ môi trường và Nghị định số 69/2012/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 hướng dẫn thi hành Nghị định số 67/2011/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 69/2012/NĐ-CP của Chính phủ).

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 1 như sau:**

“4. Túi ni lông thuộc diện chịu thuế (túi nhựa) là loại túi, bao bì nhựa mỏng có hình dạng túi (có miệng túi, có đáy túi, có thành túi và có thể đựng sản phẩm trong đó) được làm từ màng nhựa đơn HDPE (high density polyethylene resin), LDPE (Low density polyethylen) hoặc LLDPE (Linear low density polyethylen resin), trừ bao bì đóng gói sẵn hàng hóa và túi ni lông đáp ứng tiêu chí thân thiện với môi trường kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận túi ni lông thân thiện với môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Bao bì đóng gói sẵn hàng hóa (kể cả có hình dạng túi và không có hình dạng túi) tại khoản này được quy định cụ thể như sau:

a) Bao bì đóng gói sẵn hàng hóa bao gồm:

a1) Bao bì đóng gói sẵn hàng hóa nhập khẩu.

a2) Bao bì mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự sản xuất hoặc nhập khẩu để đóng gói sản phẩm do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đó sản xuất, gia công ra hoặc mua sản phẩm về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói.

Ví dụ 1: Doanh nghiệp A tự sản xuất hoặc nhập khẩu 100 kg bao bì (túi ni lông) để đóng gói sản phẩm giấy (sản phẩm giấy do doanh nghiệp A sản xuất, gia công ra hoặc mua về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói) thì 100 kg bao bì nêu trên không thuộc diện chịu thuế bảo vệ môi trường.

Bao bì mà người sản xuất hoặc người nhập khẩu đã có cam kết hoặc khai báo tại khâu nhập khẩu để đóng gói sản phẩm, nhưng sau đó không sử dụng để đóng gói sản phẩm mà đã sử dụng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho thì người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Ví dụ 2: Doanh nghiệp A tự sản xuất hoặc nhập khẩu 100 kg bao bì (túi ni lông), doanh nghiệp A đã có cam kết hoặc khai báo tại khâu nhập khẩu để đóng gói sản phẩm giấy (sản phẩm giấy do doanh nghiệp A sản xuất, gia công ra hoặc mua về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói), nếu doanh nghiệp A chỉ sử dụng 20 kg bao bì để đóng gói sản phẩm giấy và đã sử dụng 30kg bao bì để trao đổi, 40kg bao bì để tiêu dùng nội bộ, 10kg bao bì để tặng cho thì doanh nghiệp A phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường đối với 80 kg bao bì đã sử dụng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

a3) Bao bì mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua trực tiếp của người sản xuất hoặc người nhập khẩu để đóng gói sản phẩm do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đó sản xuất, gia công ra hoặc mua sản phẩm về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói.

Ví dụ 3: Doanh nghiệp B mua trực tiếp của doanh nghiệp A (là người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì) 200 kg bao bì để đóng gói sản phẩm áo sơ mi (sản phẩm áo sơ mi do doanh nghiệp B sản xuất, gia công ra hoặc mua về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói) thì 200 kg bao bì nêu trên không thuộc diện chịu thuế bảo vệ môi trường.

Bao bì mà người mua không sử dụng để đóng gói sản phẩm (đã có cam kết về việc mua bao bì để đóng gói sản phẩm) mà đã sử dụng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho hoặc bán cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác thì người mua bao bì phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường với cơ quan thuế quản lý trực tiếp và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Ví dụ 4: Doanh nghiệp B mua trực tiếp của doanh nghiệp A (là người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì) 200 kg bao bì để đóng gói sản phẩm (đã có cam kết về việc mua bao bì để đóng gói sản phẩm), sản phẩm giấy do doanh nghiệp B sản

xuất, gia công ra hoặc mua về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói thì nếu doanh nghiệp B chỉ sử dụng 50 kg bao bì để đóng gói sản phẩm giấy và đã sử dụng 20kg bao bì để trao đổi, 30kg bao bì để tiêu dùng nội bộ, 40kg bao bì để tặng cho, 60kg bao bì bán cho doanh nghiệp C thì doanh nghiệp B phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường với cơ quan thuế quản lý trực tiếp đối với 150 kg bao bì đã sử dụng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho, bán cho Doanh nghiệp C và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

a4) Bao bì đóng gói sẵn hàng hóa quy định tại tiết a2 và a3 điểm này không bao gồm túi đựng hàng hóa khi bán hàng.

Ví dụ 5: Siêu thị A hoặc cửa hàng B mua trực tiếp 100 kg túi ni lông của doanh nghiệp C (là người sản xuất hoặc người nhập khẩu), trong đó 50 kg túi ni lông để đựng hàng hóa do siêu thị A hoặc cửa hàng B bán ra cho khách hàng và 50 kg túi ni lông để đóng gói sản phẩm (sản phẩm do Siêu thị A hoặc cửa hàng B sản xuất, gia công ra hoặc mua về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói) thì 50 kg túi ni lông để đựng hàng hóa trong trường hợp này không phải là bao bì đóng gói sẵn hàng hóa.

b) Bao bì sản xuất hoặc nhập khẩu được xác định là bao bì đóng gói sẵn hàng hóa quy định tại tiết a2 và a3 điểm a khoản này phải có các giấy tờ sau:

b1) Đối với bao bì do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tự sản xuất (gọi tắt là người sản xuất bao bì):

- Trường hợp bao bì để đóng gói sản phẩm do người sản xuất bao bì đó sản xuất hoặc gia công ra thì người sản xuất bao bì phải có Bản chính văn bản cam kết có chữ ký của đại diện theo pháp luật của người sản xuất bao bì và đóng dấu (nếu người sản xuất bao bì là pháp nhân) về việc tự sản xuất bao bì để đóng gói sản phẩm gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi sản xuất bao bì (trong văn bản cam kết nêu rõ số lượng bao bì sản xuất, số lượng sản phẩm dự kiến sản xuất hoặc gia công ra, số lượng sản phẩm cần đóng gói và số lượng bao bì sử dụng để đóng gói sản phẩm).

- Trường hợp bao bì để đóng gói sản phẩm do người sản xuất bao bì mua sản phẩm về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói thì ngoài Bản chính văn bản cam kết có chữ ký của đại diện theo pháp luật của người sản xuất bao bì và đóng dấu (nếu người sản xuất bao bì là pháp nhân) về việc tự sản xuất bao bì để đóng gói sản phẩm gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp khi sản xuất bao bì (trong văn bản cam kết nêu rõ số lượng bao bì sản xuất, số lượng sản phẩm dự kiến mua về hoặc nhận đóng gói, số lượng sản phẩm cần đóng gói và số lượng bao bì sử dụng để đóng gói sản phẩm); người sản xuất bao bì phải có thêm: Bản chụp Hợp đồng mua bán sản phẩm (trường hợp mua sản phẩm về để đóng gói) hoặc Bản chụp Hợp đồng đóng gói sản phẩm (trường hợp làm dịch vụ đóng gói) được ký trực tiếp giữa người sản

xuất bao bì và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bán sản phẩm hoặc có sản phẩm cần đóng gói.

- Trường hợp bao bì sản xuất được bán trực tiếp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác (gọi tắt là người mua bao bì) để đóng gói sản phẩm thì người sản xuất bao bì phải có:

+ Bản chụp Hợp đồng mua bán bao bì được ký trực tiếp giữa người sản xuất bao bì và người mua bao bì.

+ Bản chính văn bản cam kết về việc mua bao bì để đóng gói sản phẩm có chữ ký của đại diện theo pháp luật của người mua bao bì và đóng dấu (nếu người mua bao bì là pháp nhân) do người mua bao bì gửi cho người sản xuất bao bì (trong văn bản cam kết nêu rõ số lượng sản phẩm dự kiến sản xuất hoặc gia công ra đối với trường hợp người mua bao bì để đóng gói sản phẩm do mình sản xuất hoặc gia công ra; số lượng sản phẩm dự kiến mua về để đóng gói đối với trường hợp người mua bao bì để đóng gói sản phẩm do mình mua về; số lượng sản phẩm dự kiến nhận đóng gói đối với trường hợp người mua bao bì làm dịch vụ đóng gói; số lượng sản phẩm cần đóng gói và số lượng bao bì sử dụng để đóng gói sản phẩm).

+ Bảng kê hóa đơn bán bao bì theo mẫu số 03/TBVMT ban hành kèm theo Thông tư này. Khi lập hóa đơn bán bao bì phải ghi đầy đủ các chỉ tiêu được quy định trên hóa đơn giá trị gia tăng (hoặc hóa đơn bán hàng dùng cho cơ sở nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp), ngoài ra ghi thêm dòng bán theo Hợp đồng... số... ngày... tháng... không chịu thuế bảo vệ môi trường trên hóa đơn.

b2) Đối với bao bì nhập khẩu thì người nhập khẩu bao bì phải cung cấp cho cơ quan hải quan khi nhập khẩu: Hồ sơ hải quan bao bì nhập khẩu theo quy định. Người nhập khẩu tự khai báo, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về nội dung khai báo nhập khẩu bao bì để đóng gói sản phẩm hoặc để bán trực tiếp cho người mua bao bì để đóng gói sản phẩm.

Khi bán trực tiếp bao bì nhập khẩu (đã khai báo để đóng gói sản phẩm khi nhập khẩu) cho người mua bao bì để đóng gói sản phẩm thì người nhập khẩu bao bì phải có:

+ Bản chụp Hợp đồng mua bán bao bì được ký trực tiếp giữa người nhập khẩu bao bì và người mua bao bì.

+ Bản chính văn bản cam kết về việc mua bao bì để đóng gói sản phẩm có chữ ký của đại diện theo pháp luật của người mua bao bì và đóng dấu (nếu người mua bao bì là pháp nhân) do người mua bao bì gửi cho người nhập khẩu bao bì (trong văn bản cam kết nêu rõ số lượng sản phẩm dự kiến sản xuất hoặc gia công ra đối với trường hợp người mua bao bì để đóng gói sản phẩm do mình sản xuất hoặc gia công ra; số lượng sản phẩm dự kiến mua về để đóng gói đối với trường hợp người

mua bao bì để đóng gói sản phẩm do mình mua về; số lượng sản phẩm dự kiến nhận đóng gói đối với trường hợp người mua bao bì làm dịch vụ đóng gói; số lượng sản phẩm cần đóng gói và số lượng bao bì sử dụng để đóng gói sản phẩm).

+ Bảng kê hóa đơn bán bao bì theo mẫu số 03/TBVMT ban hành kèm theo Thông tư này. Khi lập hóa đơn bán bao bì phải ghi đầy đủ các chỉ tiêu được quy định trên hóa đơn giá trị gia tăng (hoặc hóa đơn bán hàng dùng cho cơ sở nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp), ngoài ra ghi thêm dòng bán theo Hợp đồng... số... ngày... tháng... không chịu thuế bảo vệ môi trường trên hóa đơn.

Trường hợp bao bì nhập khẩu đã được thông quan theo quy định của pháp luật thì người nhập khẩu bao bì không được kê khai lại để được áp dụng đối tượng không chịu thuế bảo vệ môi trường.”

### **Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.4 khoản 2 Điều 2 như sau:**

“2.4. Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài (bao gồm cả hàng hóa xuất khẩu được gia công từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu) do cơ sở sản xuất (bao gồm cả gia công) trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu để xuất khẩu thì cơ quan hải quan không thu thuế bảo vệ môi trường đối với hàng hóa xuất khẩu và nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để gia công sau đó xuất khẩu ra nước ngoài khi nhập khẩu.

Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường được tổ chức, hộ gia đình, cá nhân mua để xuất khẩu thì cơ sở sản xuất hàng hóa phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường khi bán hàng hoá.

Ví dụ 6: Doanh nghiệp A nhập khẩu 40 kg túi ni lông về để gia công thêm một số chi tiết như in nhãn hoặc gia công thêm để thành sản phẩm khác so với túi ni lông ban đầu nhập khẩu, sau đó xuất khẩu thì Doanh nghiệp A không phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường đối với 40 kg túi ni lông nêu trên khi nhập khẩu.

Ví dụ 7: Doanh nghiệp B nhập khẩu 100 kg thuốc trừ môi thuộc loại hạn chế sử dụng làm nguyên liệu, vật tư để sử dụng trong quá trình gia công hàng hóa xuất khẩu thì doanh nghiệp B không phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường đối với 100 kg thuốc trừ môi thuộc loại hạn chế sử dụng nêu trên khi nhập khẩu.”

### **Điều 3. Bổ sung thêm điểm 1.4 vào khoản 1 Điều 5 như sau:**

“1.4. Đối với túi ni lông đa lớp được sản xuất hoặc gia công từ màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE và các loại màng nhựa khác (PP, PA,...) hoặc các chất khác như nhôm, giấy... thì thuế bảo vệ môi trường được xác định theo tỷ lệ % trọng lượng màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE có trong túi ni lông đa lớp. Căn cứ định mức lượng màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE sử dụng sản xuất hoặc gia công túi ni lông đa lớp, người sản xuất hoặc người nhập khẩu túi ni lông đa lớp tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình.

Ví dụ 8: Doanh nghiệp A sản xuất hoặc nhập khẩu 100 kg túi ni lông đa lớp, trong đó trọng lượng màng nhựa đơn HDPE, LDPE, LLDPE có trong túi ni lông đa lớp là 70% và trọng lượng màng nhựa khác (PA, PP,...) là 30%.

Như vậy, số thuế bảo vệ môi trường của doanh nghiệp A phải nộp đối với 100 kg túi ni lông đa lớp là:  $100 \text{ kg} \times 70\% \times 40.000 \text{ đồng/kg} = 2.800.000 \text{ đồng.}$ ”

**Điều 4. Bổ sung vào cuối điểm 2.2 khoản 2 Điều 7 như sau:**

“- Trường hợp xăng, dầu, mỡ nhờn nhập khẩu về sử dụng cho mục đích khác không phải để bán; dầu nhờn, mỡ nhờn được đóng gói riêng khi nhập khẩu kèm với vật tư, phụ tùng cho máy bay hoặc kèm với máy móc, thiết bị thì người nộp thuế kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường với cơ quan hải quan.

- Xăng dầu được xuất, bán ra theo sản lượng ghi trên hóa đơn, chứng từ xuất, bán thì người nộp thuế phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường theo sản lượng ghi trên hóa đơn, chứng từ xuất, bán đó.”

**Điều 5. Bổ sung thêm điểm 2.4 vào khoản 2 Điều 7 như sau:**

“2.4. Hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường được sản xuất trong nước hoặc trong khu phi thuế quan và bán ra giữa trong nước và khu phi thuế quan, trong khu phi thuế quan, giữa các khu phi thuế quan với nhau và xuất nhập khẩu tại chỗ (trong lãnh thổ Việt Nam) (trừ bao bì được sản xuất để đóng gói sản phẩm theo quy định tại tiết a2 và a3 điểm a Điều 1 Thông tư này) thì cơ sở sản xuất hàng hóa phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường.

Việc xác định hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để tính thuế bảo vệ môi trường là khi hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam.”

**Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2012.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được nghiên cứu, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**

**Mẫu số 03/TBVMT***(Ban hành kèm theo Thông tư số 159/2012/TT-BTC ngày 28/9/2012 của Bộ Tài chính)***Phụ lục****BẢNG KÊ HÓA ĐƠN BÁN BAO BÌ****Dùng cho người sản xuất bao bì và người nhập khẩu bao bì***(Kèm theo tờ khai thuế BVMT mẫu số 01/TBVMT ngày..... tháng..... năm.....)***[01]** Kỳ tính thuế: tháng..... năm.....**[02]** Tên người nộp thuế:.....**[03]** Mã số thuế: **[04]** Tên đại lý thuế (nếu có):.....**[05]** Mã số thuế: *Đơn vị tiền: đồng Việt Nam*

STT	Hóa đơn bán ra*			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Số, ngày, tháng, năm hợp đồng mua bán bao bì	Số lượng bao bì bán ra (kg)		Doanh số bán chưa có thuế BVMT	Mức thuế tuyệt đối (đ/kg)	Thuế BVMT	Ghi chú
	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm phát hành				Đã in nhãn	Chưa in nhãn				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=10x11	13
<i>1. Bao bì bán ra không chịu thuế bảo vệ môi trường</i>												
Cộng												
<i>2. Bao bì bán ra chịu thuế bảo vệ môi trường</i>												
Cộng												
<b>Tổng cộng</b>												

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc****ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

\* Hóa đơn bán ra là hóa đơn kê khai thuế GTGT.